

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550001	TRỊNH BẢO	AN	12/03/2007	Xuân Thành	T. Anh	
2	550002	PHẠM NGỌC THÁI	AN	05/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550003	ĐINH THÀNH	AN	24/02/2007	ái Mộ	T. Anh	
4	550004	VŨ THU	AN	03/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550005	VŨ TRẦN	AN	03/04/2007	Xuân Trường	T. Anh	
6	550006	NGUYỄN TRUNG	AN	08/07/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
7	550007	ĐẶNG THỊ DIỆU	ANH	13/09/2007	Xuân Châu	T. Anh	
8	550008	LÃ DUY	ANH	16/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550009	ĐINH ĐỨC	ANH	09/08/2007	Xuân Thành	T. Anh	
10	550010	NGÔ ĐỨC	ANH	23/07/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
11	550011	NGUYỄN HÀ	ANH	24/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550012	ĐỖ HẢI	ANH	19/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550013	VŨ HẢI	ANH	12/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550014	ĐỖ HOÀNG	ANH	14/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550015	TRẦN HOÀNG	ANH	03/09/2007	Xuân Trường	T. Anh	
16	550016	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	13/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550017	PHẠM THỊ HUYỀN	ANH	06/05/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
18	550018	BÙI THỊ KIỀU	ANH	03/04/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
19	550019	ĐỖ KIM	ANH	29/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550020	PHẠM LAN	ANH	26/10/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
21	550021	TRỊNH LAN	ANH	16/05/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
22	550022	LÊ THỊ LAN	ANH	13/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550023	MAI THỊ LAN	ANH	22/09/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
24	550024	VŨ MAI	ANH	25/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 14/06/2022  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 2  
Từ SBD 550025  
Đến SBD 550048

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550025	NGUYỄN THỊ MAI ANH	12/08/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
2	550026	TRẦN THỊ MAI ANH	13/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550027	TRẦN THỊ MAI ANH	05/02/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
4	550028	ĐÀO MINH ANH	04/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550029	NGUYỄN MINH ANH	08/04/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
6	550030	NGUYỄN MINH ANH	19/11/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550031	VŨ MINH ANH	01/11/2007	Xuân Phương	T. Anh	
8	550032	ĐẶNG THỊ MINH ANH	12/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550033	TRỊNH NAM ANH	06/01/2007	Xuân Trường	T. Anh	
10	550034	NGUYỄN NGỌC ANH	28/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550035	NGUYỄN NGỌC ANH	02/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550036	PHAN NGỌC ANH	05/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550037	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	08/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550038	BÙI NHẬT ANH	19/09/2007	Xuân Châu	T. Anh	
15	550039	BÙI PHƯƠNG ANH	11/05/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
16	550040	MAI PHƯƠNG ANH	15/10/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
17	550041	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	10/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550042	NGUYỄN QUANG ANH	26/10/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
19	550043	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	13/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550044	TRỊNH TÂM ANH	24/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550045	ĐẶNG THẾ ANH	05/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550046	ĐINH THẾ ANH	25/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
23	550047	LƯƠNG ĐÀO THẾ ANH	23/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
24	550048	TRẦN THIÊN ANH	25/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550049	VŨ TIẾN ANH	09/09/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
2	550050	PHẠM TÚ ANH	23/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550051	LƯƠNG TUẤN ANH	23/12/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
4	550052	NGUYỄN TUẤN ANH	26/01/2007	Xuân Phong	T. Anh	
5	550053	NGUYỄN TUẤN ANH	31/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550054	PHAN TUẤN ANH	18/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550055	TRẦN TUẤN ANH	05/12/2007	Xuân Phong	T. Anh	
8	550056	VŨ NGUYỄN TUỆ ANH	23/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550057	PHAN TÙNG ANH	17/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550058	BÙI VÂN ANH	22/10/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
11	550059	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	13/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550060	PHẠM THỊ VÂN ANH	25/07/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
13	550061	TRỊNH VIỆT ANH	02/04/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
14	550062	PHẠM HỒNG ÁNH	13/11/2007	Xuân Phong	T. Anh	
15	550063	LÊ THỊ KIM ÁNH	22/02/2007	Xuân Phong	T. Anh	
16	550064	LÊ NGỌC ÁNH	06/12/2007	Xuân Châu	T. Anh	
17	550065	NGUYỄN NGỌC ÁNH	12/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
18	550066	NGUYỄN NGỌC ÁNH	14/01/2007	Xuân Phong	T. Anh	
19	550067	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/11/2007	Xuân Đài	T. Anh	
20	550068	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	09/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
21	550069	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	15/03/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
22	550070	ĐẶNG THỊ NGUYỆT ÁNH	05/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550071	NGUYỄN NHẬT ÁNH	04/07/2007	Xuân Châu	T. Anh	
24	550072	PHẠM THỊ PHƯƠNG ÁNH	06/06/2007	Xuân Thủy	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550073	VŨ THỊ PHƯƠNG	ÁNH	09/08/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
2	550074	ĐẶNG THỊ	ÁNH	18/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550075	MAI THỊ	ÁNH	05/11/2005	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550076	ĐỖ QUỐC	ÂN	14/08/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550077	NGUYỄN VIỆT	BÁCH	01/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
6	550078	TRẦN GIANG	BAN	30/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550079	PHẠM GIA	BẢO	15/12/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
8	550080	NGUYỄN PHƯƠNG	BẮC	24/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550081	NGUYỄN XUÂN	BẮC	09/08/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
10	550082	TRỊNH PHI	BẰNG	13/06/2007	Xuân Thành	T. Anh	
11	550083	PHẠM THỊ NGỌC	BÍCH	11/03/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
12	550084	HOÀNG THỌ THANH	BÌNH	16/07/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
13	550085	VŨ HOÀNG	CẨM	27/05/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
14	550086	PHẠM ÁNH	CHI	29/06/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
15	550087	NGUYỄN LINH	CHI	07/01/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
16	550088	PHẠM LINH	CHI	10/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550089	ĐINH THỊ MAI	CHI	08/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
18	550090	PHẠM QUỲNH	CHI	20/10/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550091	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHI	07/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550092	PHẠM THỊ THẢO	CHI	14/04/2007	Xuân Châu	T. Anh	
21	550093	VŨ KIÊN	CHÍNH	01/05/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
22	550094	VŨ CHÍ	CÔNG	16/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550095	PHẠM THÀNH	CÔNG	26/05/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
24	550096	TRỊNH THÀNH	CÔNG	10/07/2007	Xuân Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550097	ĐINH KIM	CƯỜNG	24/02/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
2	550098	ĐỖ VĂN	CƯỜNG	07/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550099	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	03/05/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
4	550100	ĐINH THẾ	CƯỜNG	09/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550101	ĐINH THẾ	CƯỜNG	18/01/2007	Xuân Phương	T. Anh	
6	550102	NGUYỄN CÔNG	DANH	12/12/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550103	MAI THÀNH	DANH	12/12/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
8	550104	NGUYỄN KIỀU	DIỄM	19/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550105	VŨ THỊ KIỀU	DIỄM	02/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
10	550106	PHẠM ĐÌNH	DIỄM	26/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
11	550107	NGUYỄN BÍCH	DIỆP	28/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
12	550108	ĐINH THỊ BÍCH	DIỆP	09/11/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
13	550109	TRỊNH THỊ BÍCH	DIỆP	11/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550110	MAI HỒNG	DIỆP	14/01/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
15	550111	PHẠM NGỌC	DIỆP	12/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550112	VŨ NGỌC	DIỆP	24/06/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
17	550113	TRỊNH THỊ NGỌC	DIỆP	22/01/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
18	550114	NGUYỄN BÍCH	DIỆU	03/11/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550115	PHẠM THỊ HƯƠNG	DIỆU	24/02/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550116	TRẦN THỊ XUÂN	DIỆU	17/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550117	ĐINH THỊ NGỌC	DINH	06/01/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
22	550118	VŨ XUÂN	DU	01/01/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
23	550119	ĐỖ HẠNH	DUNG	19/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
24	550120	MAI VŨ HOÀNG	DUNG	07/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 14/06/2022  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 6  
Từ SBD 550121  
Đến SBD 550144

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550121	PHAN KIM DUNG	11/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550122	TỔNG THỊ KIM DUNG	26/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
3	550123	VŨ THỊ MỸ DUNG	25/02/2007	Xuân Trường	T. Anh	
4	550124	TẠ THỊ NGỌC DUNG	14/12/2007	Xuân Châu	T. Anh	
5	550125	PHẠM THÙY DUNG	22/01/2007	Yên Bình	T. Anh	
6	550126	ĐẶNG NGỌC ANH DŨNG	07/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550127	ĐOÀN MẠNH DŨNG	07/04/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
8	550128	ĐINH TẤN DŨNG	15/12/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
9	550129	NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
10	550130	VŨ TIẾN DŨNG	02/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550131	VŨ TIẾN DŨNG	28/12/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
12	550132	NGUYỄN ĐỨC DUY	03/05/2007	Xuân Trường	T. Anh	
13	550133	NGUYỄN ĐỨC DUY	18/11/2007	Xuân Trường	T. Anh	
14	550134	ĐÀO QUỐC DUY	18/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550135	VŨ QUỐC DUY	10/02/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
16	550136	NGUYỄN THỊ MAI DUYÊN	23/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
17	550137	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUYÊN	06/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
18	550138	NGUYỄN THỊ DUYÊN	16/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550139	VŨ THỊ DUYÊN	01/04/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
20	550140	ĐINH THỊ THÙY DUYÊN	17/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
21	550141	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	18/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550142	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	06/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550143	BÙI ĐỨC DƯƠNG	30/11/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
24	550144	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	25/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550145	BÙI THÁI	DƯƠNG	23/06/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
2	550146	ĐỖ THÙY	DƯƠNG	17/01/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
3	550147	PHẠM CAO	ĐẠI	19/03/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550148	NGUYỄN LÊ HẢI	ĐẠI	17/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550149	PHẠM MAI	ĐẠI	19/03/2007	Xuân Châu	T. Anh	
6	550150	NGUYỄN THÁI	ĐAN	25/08/2007	Xuân Châu	T. Anh	
7	550151	MAI THÀNH	ĐAN	21/08/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
8	550152	NGÔ THẾ	ĐAN	15/10/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
9	550153	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	09/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550154	TRẦN THÀNH	ĐẠT	05/06/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
11	550155	ĐINH TIẾN	ĐẠT	07/12/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
12	550156	LƯƠNG TIẾN	ĐẠT	08/04/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
13	550157	MAI TIẾN	ĐẠT	07/06/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
14	550158	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	19/04/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
15	550159	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	18/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550160	NGUYỄN VŨ TUẤN	ĐẠT	01/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550161	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	26/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
18	550162	TRỊNH HẢI	ĐĂNG	26/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
19	550163	NGUYỄN AN HẢI	ĐĂNG	30/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550164	PHẠM LÊ HẢI	ĐĂNG	28/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550165	ĐINH TÂN	ĐỆ	12/10/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
22	550166	BÙI QUANG	ĐIỂM	08/06/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
23	550167	LÊ ĐỨC	ĐỘ	17/06/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
24	550168	NGUYỄN DUY	ĐÔNG	03/04/2007	Xuân Châu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Đông	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550169	PHẠM CAO TẾ	ĐÔNG	10/03/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
2	550170	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	07/07/2007	Xuân Phong	T. Anh	
3	550171	VŨ ANH	ĐỨC	13/11/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
4	550172	BÙI MINH	ĐỨC	16/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550173	ĐÀO MINH	ĐỨC	18/08/2007	Xuân Châu	T. Anh	
6	550174	ĐẶNG MINH	ĐỨC	16/09/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
7	550175	NGUYỄN MINH	ĐỨC	06/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550176	PHẠM MINH	ĐỨC	06/09/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
9	550177	NGUYỄN TRUNG	ĐỨC	13/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550178	NGUYỄN AN	GIANG	24/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550179	TRẦN DUY	GIANG	11/05/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
12	550180	LƯU ĐỨC	GIANG	02/01/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
13	550181	TRẦN HƯƠNG	GIANG	01/06/2007	Xuân Phương	T. Anh	
14	550182	TRẦN MAI HƯƠNG	GIANG	22/09/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
15	550183	VŨ THỊ HƯƠNG	GIANG	07/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
16	550184	BÙI THỊ	GIANG	06/09/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
17	550185	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	02/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
18	550186	ĐINH CHÚC	GIỚI	23/07/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550187	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	07/11/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550188	ĐINH NGỌC	HÀ	09/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
21	550189	ĐỖ PHẠM NGUYỆT	HÀ	30/01/2007	Xuân Trường	T. Anh	
22	550190	PHẠM NHẬT	HÀ	29/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
23	550191	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	HÀ	02/01/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
24	550192	NGUYỄN THỊ	HÀ	20/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550193	PHẠM THỊ HÀ	09/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550194	PHẠM THỊ THU HÀ	09/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550195	LÃ TUẤN HÀ	24/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550196	LƯ VIỆT HÀ	01/01/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
5	550197	ĐẶNG ĐỨC HẢI	24/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550198	PHẠM ĐỨC HẢI	30/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550199	ĐỖ HOÀNG HẢI	09/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550200	NGUYỄN MINH HẢI	07/11/2007	Xuân Phong	T. Anh	
9	550201	TRỊNH NAM HẢI	12/10/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
10	550202	NGUYỄN VĂN HẢI	01/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
11	550203	ĐỖ THỊ BÍCH HẠNH	28/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550204	ĐINH THỊ HỒNG HẠNH	21/08/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
13	550205	ĐINH THỊ MỸ HẠNH	12/08/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
14	550206	TRẦN ĐOÀN THÚY HẠNH	07/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550207	PHẠM MINH HẰNG	19/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
16	550208	HỒ THANH HẰNG	24/04/2007	Xuân Châu	T. Anh	
17	550209	MAI THANH HẰNG	27/05/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
18	550210	TRẦN THANH HẰNG	14/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
19	550211	PHẠM THỊ THANH HẰNG	27/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550212	NGUYỄN THỊ HẰNG	13/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550213	VŨ THỊ HẰNG	27/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550214	NGUYỄN THU HẰNG	15/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550215	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	11/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550216	VŨ THỊ HÂN	27/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550217	ĐOÀN VŨ	HÂN	28/10/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
2	550218	NGUYỄN CÔNG	HẬU	17/04/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
3	550219	NGUYỄN THANH	HIỀN	25/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550220	TRỊNH THANH	HIỀN	24/08/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
5	550221	ĐẶNG THU	HIỀN	20/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550222	VŨ MINH	HIỂN	07/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550223	VŨ ĐÌNH	HIỆP	15/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550224	NGUYỄN QUANG	HIỆP	03/01/2007	Xuân Phong	T. Anh	
9	550225	NGUYỄN QUANG	HIỆP	28/11/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
10	550226	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	18/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
11	550227	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
12	550228	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	27/03/2007	Xuân Châu	T. Anh	
13	550229	PHẠM NGỌC	HIẾU	05/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
14	550230	PHẠM VĂN	HIẾU	02/01/2007	Xuân Phong	T. Anh	
15	550231	ĐỖ ĐỨC	HÌNH	29/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550232	PHẠM THỊ YẾN	HOA	23/10/2007	Xuân Phong	T. Anh	
17	550233	NGUYỄN TRUNG	HOÀ	23/09/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
18	550234	PHẠM THỊ	HÒA	19/10/2007	Xuân Châu	T. Anh	
19	550235	ĐỖ THU	HOÀI	06/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550236	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	13/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550237	NGUYỄN HUY	HOÀNG	22/08/2007	Xuân Thành	T. Anh	
22	550238	TRỊNH HUY	HOÀNG	29/11/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
23	550239	PHẠM MINH	HOÀNG	08/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550240	ĐẶNG VIỆT	HOÀNG	24/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550241	ĐINH VIỆT HOÀNG	26/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
2	550242	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG HỒNG	03/08/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
3	550243	VŨ MẠNH HUẤN	21/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550244	NGUYỄN THỊ HẢI HUẾ	27/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550245	NGUYỄN MẠNH HÙNG	24/06/2007	Xuân Phong	T. Anh	
6	550246	NGUYỄN MẠNH HÙNG	18/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550247	HOÀNG PHI HÙNG	27/01/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
8	550248	NGUYỄN THANH HÙNG	02/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
9	550249	ĐỖ VIỆT HÙNG	10/04/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
10	550250	TRẦN ĐỨC HUY	20/05/2007	Xuân Trường	T. Anh	
11	550251	NGUYỄN QUANG HUY	21/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550252	BÙI QUỐC HUY	07/05/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
13	550253	ĐINH QUỐC HUY	29/11/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
14	550254	NGUYỄN VŨ HUY	22/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550255	TRỊNH DIỆU HUYỀN	07/02/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
16	550256	PHẠM KHÁNH HUYỀN	10/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
17	550257	VŨ NGỌC HUYỀN	29/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550258	LÊ THỊ HUYỀN	23/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
19	550259	VŨ THỊ HUYỀN	29/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550260	ĐỖ THU HUYỀN	16/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
21	550261	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	27/07/2007	Xuân Châu	T. Anh	
22	550262	VŨ THỊ THU HUYỀN	19/06/2007	Xuân Thành	T. Anh	
23	550263	NGUYỄN DUY HÙNG	03/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550264	NGUYỄN GIA HÙNG	01/08/2007	Xuân Châu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550265	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	29/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
2	550266	ĐÀO QUỐC HÙNG	30/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550267	MAI QUỐC HÙNG	18/11/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
4	550268	PHẠM QUỐC HÙNG	04/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550269	NGUYỄN TUẤN HÙNG	25/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550270	HOÀNG VĂN HÙNG	31/05/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
7	550271	ĐOÀN VIỆT HÙNG	17/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550272	NGUYỄN VIỆT HÙNG	01/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
9	550273	LÊ DIỆU HƯƠNG	30/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550274	ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG	10/07/2007	Xuân Vinh	T. Anh	
11	550275	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	06/02/2007	Xuân Phương	T. Anh	
12	550276	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	05/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
13	550277	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG	16/04/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
14	550278	PHAN TÂN KHẢI	19/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550279	VŨ XUÂN KHẢI	24/09/2007	Xuân Phong	T. Anh	
16	550280	PHẠM THÁI KHANG	24/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
17	550281	NGUYỄN TUẤN KHANG	14/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550282	NGÔ VĂN KHANH	05/01/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
19	550283	LÊ DUY KHÁNH	06/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
20	550284	PHẠM DUY KHÁNH	25/07/2007	Xuân Phong	T. Anh	
21	550285	VŨ DUY KHÁNH	20/11/2007	Xuân Phong	T. Anh	
22	550286	VŨ ĐỨC KHÁNH	04/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
23	550287	ĐẶNG NAM KHÁNH	11/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
24	550288	ĐINH NGỌC KHÁNH	04/07/2007	Xuân Thượng	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550289	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	30/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550290	PHAN THỊ NGỌC KHÁNH	02/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550291	NGUYỄN ANH KHOA	14/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550292	PHẠM ĐĂNG KHOA	19/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550293	TRẦN VIỆT KHOA	11/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
6	550294	MAI ĐĂNG KHÔI	23/11/2007	Xuân Trường	T. Anh	
7	550295	ĐẶNG XUÂN KHU	09/11/2007	Xuân Vinh	T. Anh	
8	550296	ĐỖ TRUNG KIÊN	30/09/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
9	550297	VŨ TRUNG KIÊN	08/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550298	PHAN VĂN KIÊN	15/03/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
11	550299	PHẠM PHƯƠNG LAM	17/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
12	550300	HOÀNG MAI LAN	02/10/2007	Xuân Thành	T. Anh	
13	550301	VŨ THỊ PHƯƠNG LAN	20/07/2007	Xuân Phong	T. Anh	
14	550302	NGUYỄN THÀNH LÂM	28/05/2007	Xuân Châu	T. Anh	
15	550303	NGUYỄN TUẤN LÂM	15/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550304	BÙI ĐẶNG HOÀNG LÂN	19/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550305	TRẦN VŨ LÂN	24/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550306	VŨ KHÁNH LÊ	24/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
19	550307	TRỊNH BẢO LIÊM	09/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550308	NGUYỄN DIỆU LINH	07/12/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
21	550309	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	05/06/2007	Xuân Phương	T. Anh	
22	550310	VŨ THỊ DIỆU LINH	14/07/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
23	550311	PHẠM GIA LINH	12/11/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
24	550312	NGUYỄN KHÁNH LINH	19/10/2007	Xuân Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
TRẦN VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550313	PHẠM KHÁNH LINH	19/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
2	550314	VŨ KHÁNH LINH	04/09/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
3	550315	VŨ KHÁNH LINH	03/03/2007	Xuân Châu	T. Anh	
4	550316	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	01/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550317	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	11/01/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
6	550318	LƯƠNG MAI LINH	03/05/2005	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550319	PHẠM NHẤT LINH	03/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550320	NGUYỄN QUANG LINH	16/02/2007	Xuân Phong	T. Anh	
9	550321	HUỶNH THANH LINH	23/12/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
10	550322	NGUYỄN THUỶ LINH	14/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
11	550323	NGUYỄN THUỶ LINH	15/07/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
12	550324	NGÔ THÙY LINH	12/03/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
13	550325	PHẠM THÙY LINH	26/09/2007	Xuân Châu	T. Anh	
14	550326	PHAN THÙY LINH	10/01/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
15	550327	ĐỖ THỊ THÙY LINH	28/08/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
16	550328	LÃ THỊ THÙY LINH	19/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550329	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	24/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550330	PHẠM THỊ THÙY LINH	07/10/2007	Xuân Trường	T. Anh	
19	550331	TRỊNH THỊ THÙY LINH	01/06/2007	Xuân Thành	T. Anh	
20	550332	ĐINH PHƯƠNG LOAN	27/05/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
21	550333	PHẠM ANH LONG	13/09/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
22	550334	NGUYỄN ĐỨC LONG	02/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
23	550335	ĐINH HOÀNG LONG	08/02/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
24	550336	NGUYỄN HOÀNG LONG	01/05/2007	Xuân Thủy	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550337	NGUYỄN HOÀNG LONG	08/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550338	VŨ HOÀNG LONG	24/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550339	TRỊNH KIM LONG	24/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
4	550340	NGUYỄN THÀNH LONG	22/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550341	NGUYỄN THÀNH LỘC	06/12/2007	Xuân Châu	T. Anh	
6	550342	NGÔ VĂN LỘC	29/11/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550343	PHẠM XUÂN LỘC	12/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550344	VŨ ĐỨC LUYỆN	20/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
9	550345	BÙI THỊ NHƯ LƯƠNG	26/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550346	NGUYỄN THANH LƯƠNG	22/05/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550347	NGUYỄN TRỌNG LƯƠNG	21/05/2007	Xuân Châu	T. Anh	
12	550348	PHẠM VĂN LƯỢNG	22/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550349	ĐỖ CẨM LY	14/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550350	ĐÀO HẠNH LY	11/02/2007	Xuân Thành	T. Anh	
15	550351	ĐÀO KHÁNH LY	08/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550352	TRẦN KHÁNH LY	09/12/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
17	550353	NGUYỄN PHẠM KHÁNH LY	05/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
18	550354	ĐẶNG THỊ KHÁNH LY	15/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550355	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	18/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550356	PHẠM THỊ KHÁNH LY	28/06/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
21	550357	VŨ THỊ KHÁNH LY	03/04/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
22	550358	NGUYỄN NGỌC MAI	08/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550359	NGUYỄN DUY MẠNH	01/11/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
24	550360	PHẠM ĐỨC MẠNH	25/03/2007	Xuân Ninh	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550361	PHẠM GIA MINH	26/12/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
2	550362	ĐẶNG NGỌC MINH	02/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550363	MAI QUANG MINH	17/10/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
4	550364	PHẠM TUẤN MINH	19/05/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
5	550365	NGUYỄN VĂN MINH	14/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550366	NGUYỄN VŨ MINH	11/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550367	NGUYỄN THỊ HÀ MY	15/12/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
8	550368	VŨ THỊ HÀNG MY	21/10/2007	Xuân Phương	T. Anh	
9	550369	NGUYỄN THỊ HIỀN MY	04/04/2007	Tân Mai	T. Anh	
10	550370	NGUYỄN HUYỀN MY	26/12/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550371	ĐẶNG TRÀ MY	12/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550372	NGUYỄN TRÀ MY	22/12/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
13	550373	VŨ TRÀ MY	06/10/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
14	550374	LƯƠNG THỊ TRÀ MY	24/12/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
15	550375	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	19/02/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
16	550376	PHAN THỊ TRÀ MY	16/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550377	TRỊNH THỊ TRÀ MY	08/03/2007	Xuân Thành	T. Anh	
18	550378	CHU MY NA	20/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
19	550379	ĐẶNG HẢI NAM	18/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550380	NGUYỄN HẢI NAM	30/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550381	ĐẶNG THÀNH NAM	14/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550382	PHAN THÀNH NAM	03/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550383	VŨ THÀNH NAM	28/12/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
24	550384	VŨ TRUNG NAM	08/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 14/06/2022

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 17

Từ SBD 550385

Đến SBD 550408

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	550385	PHẠM THỊ QUỲNH	NGA	06/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550386	PHAN THỊ	NGÁT	24/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550387	LÊ BẢO	NGÂN	09/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550388	TRẦN THỊ BÍCH	NGÂN	10/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550389	ĐẶNG KIM	NGÂN	23/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550390	ĐỖ THỊ KIM	NGÂN	12/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550391	PHAN THỊ THANH	NGÂN	22/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550392	VŨ TRANG	NGÂN	10/06/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
9	550393	PHẠM MINH	NGHĨA	24/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550394	NGUYỄN BẢO	NGỌC	08/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
11	550395	PHẠM BÍCH	NGỌC	07/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
12	550396	PHẠM KHÁNH	NGỌC	31/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550397	ĐỖ LAM	NGỌC	28/10/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
14	550398	PHẠM MINH	NGỌC	07/09/2007	Xuân Thành	T. Anh	
15	550399	VŨ MINH	NGỌC	02/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550400	NGUYỄN THỊ	NGỌC	06/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550401	LƯƠNG ĐỨC	NGUYỄN	03/11/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
18	550402	NGUYỄN ĐỨC	NGUYỄN	17/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
19	550403	PHAN THÁI	NGUYỄN	21/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550404	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	11/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
21	550405	PHẠM MINH	NGUYỆT	06/10/2007	Xuân Thành	T. Anh	
22	550406	ĐẶNG THỊ THANH	NHÂN	24/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
23	550407	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	02/01/2007	Xuân Phong	T. Anh	
24	550408	VŨ VĂN	NHÂN	11/01/2007	Xuân Thượng	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Nhật	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550409	TRẦN ANH	NHẬT	24/05/2007	Xuân Trường	T. Anh	
2	550410	TỔNG MINH	NHẬT	12/11/2007	TT GDNH-GDTX	T. Anh	
3	550411	VŨ NA	NHẬT	29/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550412	ĐINH QUANG	NHẬT	14/11/2007	Xuân Phong	T. Anh	
5	550413	LƯƠNG VĂN	NHẬT	27/05/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
6	550414	PHẠM KHÁNH	NHI	27/06/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
7	550415	TỔNG KHÁNH	NHI	29/10/2007	Xuân Thành	T. Anh	
8	550416	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	09/08/2007	Xuân Thành	T. Anh	
9	550417	BÙI ĐOÀN QUỲNH	NHI	10/09/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
10	550418	ĐỖ YẾN	NHI	04/07/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
11	550419	NGÔ YẾN	NHI	15/10/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
12	550420	NGUYỄN YẾN	NHI	29/10/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
13	550421	NGUYỄN YẾN	NHI	07/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550422	TRỊNH YẾN	NHI	06/09/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
15	550423	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	27/08/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
16	550424	TRẦN THỊ YẾN	NHI	06/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
17	550425	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	19/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550426	PHẠM HỒNG	NHUNG	15/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
19	550427	TRẦN HỒNG	NHUNG	06/11/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
20	550428	PHẠM HUYỀN TÂM	NHƯ	19/01/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
21	550429	TỔNG THỊ TÔN	NHƯ	22/10/2007	Xuân Trường	T. Anh	
22	550430	VŨ KIM	OANH	23/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
23	550431	MAI THỊ KIM	OANH	02/04/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
24	550432	PHẠM THỊ	OANH	10/05/2007	Xuân Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHẠM VĂN CHÂU**

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	PHÁT	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550433	NGUYỄN HỒNG	PHÁT	31/05/2007	Xuân Phong	T. Anh	
2	550434	ĐOÀN THÀNH	PHÁT	04/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550435	PHẠM ANH	PHONG	16/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
4	550436	TRỊNH THANH	PHONG	29/05/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
5	550437	NGUYỄN THUẬN	PHONG	01/12/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
6	550438	NGUYỄN VĂN	PHONG	30/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550439	TỔNG VĂN	PHONG	07/01/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
8	550440	PHẠM ĐÌNH	PHÚC	28/10/2007	TT GDNN-GD TX	T. Anh	
9	550441	NGUYỄN MINH	PHÚC	18/02/2007	Xuân Phong	T. Anh	
10	550442	PHẠM THỊ ÁNH	PHƯƠNG	18/06/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550443	LÊ THỊ HÀ	PHƯƠNG	10/08/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
12	550444	PHẠM THỊ HOÀI	PHƯƠNG	09/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550445	NGUYỄN LINH	PHƯƠNG	19/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550446	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	31/10/2007	Xuân Châu	T. Anh	
15	550447	PHẠM MAI	PHƯƠNG	10/09/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550448	TRẦN MAI	PHƯƠNG	05/06/2007	Xuân Phương	T. Anh	
17	550449	PHẠM THỊ MAI	PHƯƠNG	12/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550450	BÙI MINH	PHƯƠNG	15/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550451	ĐẶNG THỊ MINH	PHƯƠNG	17/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550452	BÙI NGUYỄN	PHƯƠNG	29/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
21	550453	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	29/04/2007	Mỹ Phúc	T. Anh	
22	550454	ĐẶNG TRẦN	QUANG	16/11/2007	Xuân Trường	T. Anh	
23	550455	BÙI VINH	QUANG	26/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550456	TRẦN ANH	QUÂN	23/06/2007	Xuân Tiến	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	QUẬN	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550457	NGUYỄN ĐỨC	QUẬN	07/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550458	MAI HỒNG	QUẬN	06/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
3	550459	HOÀNG MINH	QUẬN	11/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550460	NGUYỄN MINH	QUẬN	06/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550461	PHẠM MINH	QUẬN	04/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550462	TRỊNH MINH	QUẬN	15/03/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
7	550463	TRỊNH MINH	QUẬN	04/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550464	VŨ MINH	QUẬN	15/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550465	PHẠM NGUYỄN THANH	QUẬN	08/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
10	550466	ĐẶNG VĂN	QUẬN	05/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550467	ĐẶNG ĐÌNH	QUÝ	11/07/2007	TT GDNN-GD TX	T. Anh	
12	550468	NGUYỄN THIÊN	QUÝ	27/10/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
13	550469	PHAN THỊ HỒNG	QUYÊN	25/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550470	ĐOÀN MẠNH	QUYÊN	25/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
15	550471	PHẠM NHẤT	QUYẾT	27/07/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
16	550472	PHẠM VĂN	QUYẾT	25/08/2007	Xuân Phong	T. Anh	
17	550473	NGUYỄN ÁNH	QUỲNH	18/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
18	550474	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	14/05/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
19	550475	NGUYỄN THỊ MAI	QUỲNH	13/06/2007	Xuân Châu	T. Anh	
20	550476	LÊ NHƯ	QUỲNH	25/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550477	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	20/12/2007	Xuân Châu	T. Anh	
22	550478	MAI HOÀNG	SANG	21/12/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
23	550479	MAI HOÀNG	SANG	21/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
24	550480	VŨ THÁI	SƠN	14/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550481	BÙI VĂN SON	10/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
2	550482	TRẦN QUỐC SỸ	24/06/2007	TT GDNN-GDTX	T. Anh	
3	550483	ĐỖ ĐỨC TÀI	14/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550484	TRẦN ĐỨC TÀI	10/08/2007	Xuân Châu	T. Anh	
5	550485	NGUYỄN TẤN TÀI	17/05/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
6	550486	CHU MẠNH TAM	09/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
7	550487	NGUYỄN ĐỨC TÂM	30/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550488	ĐINH THỊ MINH TÂM	12/11/2007	Xuân Phong	T. Anh	
9	550489	NGUYỄN PHƯƠNG TÂM	28/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550490	ĐẶNG ĐỨC TÂN	01/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550491	PHAN VIỆT TÂN	04/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550492	ĐINH VĂN TẤN	21/08/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
13	550493	PHẠM QUANG THÁI	11/06/2007	Xuân Trường	T. Anh	
14	550494	NGUYỄN ĐỨC THANH	13/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
15	550495	PHẠM QUANG THANH	20/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550496	PHẠM QUANG THANH	10/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550497	NGUYỄN THỊ THANH	04/12/2007	Xuân Phong	T. Anh	
18	550498	PHẠM THỊ THANH	13/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
19	550499	PHẠM CÔNG THÀNH	06/12/2007	Xuân Phong	T. Anh	
20	550500	NGUYỄN VŨ THÀNH	09/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550501	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	16/04/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
22	550502	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	17/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
23	550503	PHAN PHƯƠNG THẢO	18/05/2007	Xuân Phương	T. Anh	
24	550504	CHU THỊ PHƯƠNG THẢO	08/08/2007	Xuân Châu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	550505	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/12/2007	Xuân Phương	T. Anh	
2	550506	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
3	550507	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/09/2007	Xuân Phong	T. Anh	
4	550508	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/09/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550509	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/12/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
6	550510	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/02/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
7	550511	TRỊNH THỊ THANH	THẢO	16/02/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
8	550512	PHẠM THU	THẢO	05/07/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
9	550513	ĐINH THỊ THU	THẢO	25/12/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
10	550514	NGUYỄN HỒNG	THẮM	23/10/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550515	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	26/12/2007	Xuân Phong	T. Anh	
12	550516	PHẠM QUANG	THẮNG	22/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550517	MAI ĐỨC	THIỆM	28/08/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
14	550518	TRỊNH CHÍ	THIỆN	16/11/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
15	550519	VŨ ĐỨC	THIỆN	17/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550520	ĐỖ MINH	THIỆN	06/08/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
17	550521	NGUYỄN VŨ	THIỆN	29/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550522	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	25/06/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550523	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	25/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550524	NGUYỄN TIẾN	THỊNH	01/09/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
21	550525	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	02/05/2007	Xuân Châu	T. Anh	
22	550526	NGUYỄN THỊ	THOAN	25/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550527	TRỊNH HOÀI	THU	26/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
24	550528	NGUYỄN MINH	THUẦN	05/12/2007	Xuân Trường	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 14/06/2022  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 23  
Từ SBD 550529  
Đến SBD 550552

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550529	ĐẶNG THỊ MINH	THUẬN	27/05/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
2	550530	BÙI THỊ PHƯƠNG	THUY	21/07/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
3	550531	VŨ THỊ	THUY	24/05/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
4	550532	PHẠM THU	THÙY	26/09/2007	Xuân Trường	T. Anh	
5	550533	PHAN THU	THÙY	24/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550534	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÚY	25/06/2007	Xuân Châu	T. Anh	
7	550535	NGUYỄN TRỊNH THANH	THÚY	13/10/2007	Xuân Châu	T. Anh	
8	550536	PHAN MINH	THUYẾT	28/05/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550537	PHẠM ANH	THU	29/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
10	550538	TRỊNH ANH	THU	12/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550539	NGUYỄN BẢO ANH	THU	03/09/2007	Xuân Châu	T. Anh	
12	550540	NGUYỄN ĐẶNG ANH	THU	26/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550541	ĐINH HOÀNG ANH	THU	10/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550542	TRẦN MAI ANH	THU	26/07/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
15	550543	LÊ THỊ ANH	THU	21/03/2007	Xuân Phong	T. Anh	
16	550544	LƯƠNG THỊ ANH	THU	04/01/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
17	550545	TRẦN THỊ ANH	THU	03/06/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
18	550546	PHAN THỊ ÁNH	THU	07/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550547	TRẦN MINH	THU	24/03/2007	Xuân Thành	T. Anh	
20	550548	ĐINH THỊ MINH	THU	21/05/2007	Xuân Thành	T. Anh	
21	550549	PHẠM THỊ MINH	THU	10/04/2007	Xuân Phương	T. Anh	
22	550550	TRẦN THỊ MINH	THU	09/07/2007	Xuân Phương	T. Anh	
23	550551	NGUYỄN VĂN	THƯỜNG	11/12/2007	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
24	550552	TRẦN CÔNG	THƯỢNG	29/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550553	VŨ NGỌC TIỀN	12/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550554	NGUYỄN VĂN TIẾN	26/03/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
3	550555	ĐINH XUÂN TIẾN	01/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
4	550556	LÊ HỮU TOÀN	09/05/2007	Xuân Phong	T. Anh	
5	550557	BÙI QUỐC TOÀN	16/04/2007	Xuân Châu	T. Anh	
6	550558	NGUYỄN TRƯỜNG TOÀN	05/10/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
7	550559	TRẦN CÔNG TOÁN	10/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550560	ĐỖ HUYỀN TRANG	03/02/2007	Xuân Thành	T. Anh	
9	550561	NGUYỄN HUYỀN TRANG	02/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
10	550562	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	09/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
11	550563	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	14/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550564	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	08/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550565	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	17/05/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550566	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	02/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550567	NGUYỄN KIỀU TRANG	30/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550568	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	29/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550569	PHẠM MINH TRANG	23/12/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
18	550570	PHẠM MINH TRANG	21/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550571	TRỊNH NGUYỆT TRANG	30/01/2007	Xuân Thành	T. Anh	
20	550572	NGÔ THU TRANG	08/11/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
21	550573	PHẠM THUY TRANG	01/01/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
22	550574	PHẠM THÙY TRANG	01/10/2007	Xuân Phong	T. Anh	
23	550575	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	27/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550576	TRƯỜNG THỊ THÙY TRANG	21/04/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550577	VŨ THỊ THÙY	TRANG	16/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
2	550578	ĐỖ THỊ MINH	TRÂM	04/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
3	550579	ĐẶNG NGỌC	TRÂM	22/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
4	550580	NGUYỄN THÙY	TRÂM	31/12/2007	Xuân Bắc	T. Anh
5	550581	PHẠM ĐỨC	TRÍ	03/12/2007	Xuân Ngọc	T. Anh
6	550582	PHẠM KIỀU	TRINH	30/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
7	550583	NGUYỄN MINH	TRÚC	25/06/2007	Xuân Phong	T. Anh
8	550584	PHAN THANH	TRÚC	23/06/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
9	550585	ĐÀO THỊ THANH	TRÚC	19/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh
10	550586	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	17/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
11	550587	TRỊNH ĐỖ	TRUNG	01/05/2007	Xuân Thủy	T. Anh
12	550588	ĐẶNG QUANG	TRUNG	24/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
13	550589	ĐẶNG QUANG	TRUNG	08/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
14	550590	ĐỖ QUANG	TRUNG	31/10/2007	Xuân Ngọc	T. Anh
15	550591	BÙI ANH	TÚ	12/12/2007	Xuân Thủy	T. Anh
16	550592	MAI CẨM	TÚ	04/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh
17	550593	BÙI THỊ CẨM	TÚ	20/11/2007	Xuân Tiến	T. Anh
18	550594	VŨ THỊ CẨM	TÚ	12/01/2007	Xuân Phong	T. Anh
19	550595	VŨ NGỌC	TÚ	07/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh
20	550596	MAI TUẤN	TÚ	17/05/2007	Xuân Phong	T. Anh
21	550597	NGUYỄN TUẤN	TÚ	20/07/2007	Xuân Ngọc	T. Anh
22	550598	NGUYỄN TUẤN	TÚ	13/12/2007	Xuân Ninh	T. Anh
23	550599	VŨ XUÂN	TÚ	31/10/2007	Xuân Phong	T. Anh
24	550600	ĐẶNG ANH	TUẤN	03/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550601	ĐINH ANH	TUẤN	11/06/2007	Xuân Phương	T. Anh	
2	550602	TRẦN ANH	TUẤN	22/10/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550603	TRỊNH ANH	TUẤN	19/09/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
4	550604	NGUYỄN TRẦN ANH	TUẤN	17/11/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550605	PHẠM NGỌC	TUẤN	09/06/2007	Xuân Phong	T. Anh	
6	550606	TRỊNH QUANG	TUẤN	02/09/2007	Xuân Thuỷ	T. Anh	
7	550607	NGUYỄN ĐĂNG	TÙNG	19/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550608	MAI XUÂN	TÙNG	28/11/2007	Xuân Kiên	T. Anh	
9	550609	ĐẶNG MINH	TUYÊN	19/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550610	PHẠM NGỌC	TUYÊN	03/05/2007	Xuân Thành	T. Anh	
11	550611	PHAN VĂN	TUYÊN	07/12/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550612	PHẠM HỒNG	TUYỂN	17/01/2007	Xuân Hoà	T. Anh	
13	550613	LƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	23/01/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550614	NGUYỄN MAI	UYÊN	19/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550615	TRỊNH MỸ	UYÊN	14/07/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550616	TỔNG PHƯƠNG	UYÊN	29/03/2007	Xuân Thành	T. Anh	
17	550617	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	23/09/2007	Xuân Châu	T. Anh	
18	550618	VŨ THU	UYÊN	30/05/2007	Xuân Phong	T. Anh	
19	550619	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	11/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550620	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	22/01/2007	Xuân Đài	T. Anh	
21	550621	LƯƠNG TỐ	UYÊN	12/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
22	550622	NGUYỄN TỐ	UYÊN	21/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550623	PHẠM TÚ	UYÊN	23/09/2007	Xuân Phong	T. Anh	
24	550624	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	10/09/2007	Xuân Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550625	NGUYỄN THỊ	VÂN	28/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
2	550626	TRẦN THỊ THUY	VÂN	04/09/2007	Xuân Bắc	T. Anh	
3	550627	NGUYỄN THÚY	VÂN	12/04/2007	Xuân Châu	T. Anh	
4	550628	NGUYỄN HÀ	VI	24/12/2007	Xuân Ninh	T. Anh	
5	550629	HOÀNG ĐỨC	VIỆT	09/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550630	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	24/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550631	TRỊNH QUỐC	VIỆT	20/06/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
8	550632	NGUYỄN VĂN	VIỆT	28/02/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550633	PHẠM XUÂN	VIỆT	04/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550634	ĐẶNG QUANG	VINH	02/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550635	PHẠM QUANG	VINH	12/12/2007	Xuân Trường	T. Anh	
12	550636	PHẠM THẾ	VINH	11/03/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550637	NGUYỄN ANH	VŨ	28/02/2007	Xuân Châu	T. Anh	
14	550638	NGUYỄN ANH	VŨ	19/08/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550639	TRỊNH LONG	VŨ	28/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550640	NGUYỄN MINH	VŨ	06/01/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550641	TRẦN MINH	VŨ	27/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 17  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHẠM VĂN CHÂU**

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550642	PHẠM VĂN	VŨ	15/08/2007	Xuân Thủy	T. Anh	
2	550643	VŨ MINH	VƯƠNG	09/08/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
3	550644	VŨ THẾ	VƯƠNG	02/06/2007	Xuân Trường	T. Anh	
4	550645	VŨ HÀ	VY	04/07/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550646	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	14/09/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550647	TRỊNH THỊ HÀ	VY	19/11/2007	Xuân Thành	T. Anh	
7	550648	VŨ THỊ YẾN	VY	18/04/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550649	VŨ THANH	XUÂN	16/02/2007	Xuân Ngọc	T. Anh	
9	550650	ĐINH NHƯ	Ý	16/08/2007	Xuân Thượng	T. Anh	
10	550651	MAI THỊ NHƯ	Ý	20/04/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
11	550652	MAI HẢI	YẾN	09/02/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
12	550653	NGUYỄN HẢI	YẾN	04/11/2007	Xuân Châu	T. Anh	
13	550654	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	01/01/2007	Xuân Châu	T. Anh	
14	550655	TRỊNH THỊ HẢI	YẾN	17/09/2007	Xuân Tiến	T. Anh	
15	550656	VŨ THỊ HẢI	YẾN	22/11/2007	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550657	TRẦN THỊ	YẾN	28/08/2005	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 16  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 12/06/2022  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**